UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I
PHÂN MÔN: LỊCH SỬ 6
Năm học: 2021 - 2022

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy
2. Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại
3. Bài 8: Ấn Độ cổ đại
4. Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HỌA:

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc sử dụng công cụ bằng kim loại?

A. Giúp con người khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt.

B. Giúp con người có thể xẻ gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm nhà.

C. Dẫn đến sự hình thành các quốc gia cổ đại.

D. Tạo ra một lượng sản phẩm dư thừa thường xuyên.

Câu 2. Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?

A. Thiên niên kỉ thứ II TCN.

B. Thiên niên kỉ thứ III TCN.

C. Thiên niên kỉ thứ IV TCN.

D. Thiên niên kỉ thứ V TCN.

Câu 3. Sản phẩm dư thừa tạo ra trong xã hội nguyên thủy được phân chia như thế nào?

A. Chia đều sản phẩm dư thừa cho mọi người.

B. Người đứng đầu thị tộc chiếm giữ.

C. Vứt bỏ hết những sản phẩm dư thừa.

D. Dừng sản xuất để tiêu thụ hết sản phẩm thừa.

Câu 4. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự tan rã của xã hội nguyên thủy là sự xuất hiện của

A. công cụ kim khí.

B. chế độ tư hữu.

C. đời sống vật chất.

D. đời sống tinh thần.

Câu 5. Cuối thời nguyên thủy, ở Việt Nam, con người sống

A. định cư lâu dài.
B. rất bấp bênh.
C. ăn lông ở lỗ
D. du mục đi khắp nơi.
Câu 6. Kim loại đầu tiên được con người phát hiện và sử dụng là
A. đồng đỏ.
B. đồng thau.
C. sắt.
D. nhôm.
Câu 7. Cuối thời nguyên thủy, những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam gắn với những nền văn hóa như
A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.
B. Đông Sơn, Phùng Nguyên, Bắc Sơn.
C. Bắc Sơn, Đồng Đậu, Gò Mun.
D. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Hòa Bình.
Câu 8. Việc sử dụng phổ biến công cụ kim loại, đặc biệt là công cụ bằng sắt đã tác động như thế nào đến kinh tế cuối thời nguyên thủy?
A. Diện tích canh tác nông nghiệp chưa được mở rộng.
B. Năng suất lao động tăng cao, tạo ra sản phẩm dư thừa.
C. Năng suất lao động tăng, tạo ra sản phẩm chỉ đủ để ăn.
D. Diện tích canh tác nông nghiệp được mở rộng, chất lượng sản phẩm chưa cao.
Câu 9. Nhờ việc sử dụng phổ biến công cụ bằng kim loại, cuối thời nguyên thủy xã hội xuất hiện các giai cấp là
A. thống trị và bị trị.
B. người giàu và người nghèo.
C. tư sản và vô sản.
D. địa chủ và nông dân.
Câu 10. Cuối thời nguyên thủy, con người lần lượt phát hiện và sử dụng công cụ bằng kim loại
A. đồng đỏ, đồng thau, sắt.
B. đồng thau, đồng đỏ, sắt.
C. đồng đỏ, sắt, đồng thau.
D. sắt, đồng thau, đồng đỏ.
Câu 11. Ở Ai Cập, người đứng đầu nhà nước được gọi là
A. Pha-ra-ông.

B. En-xi.
C. Thiên tử.
D. Thiên hoàng.
Câu 12. Người đứng đầu nhà nước Lưỡng Hà cổ đại được gọi là
A. Pha-ra-ông.
B. En-xi.
C. Thiên tử.
D. Thiên hoàng.
Câu 13. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực sông
A. Nin.
B. Trường Giang.
C. Ti-grơ.
D. Ơ-phrát.
Câu 14. Quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại được xây dựng trên nền tảng kinh tế
A. nông nghiệp trồng lúa nước.
B. thủ công nghiệp và thương nghiệp.
C. mậu dịch hàng hải quốc tế.
D. thủ công nghiệp hàng hóa.
Câu 15. Những con sông bồi đắp phù sa, tạo điều kiện cho các quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại phát triển nền kinh tế
A. thương nghiệp.
B. thủ công nghiệp.
C. nông nghiệp.
D. dịch vụ.
Câu 16. Những đồng bằng ở phía tây và phía đông Ấn Độ được bồi đắp bởi phù sa sông
A. Nin.
B. Ti-grơ và Ơ-phrát.
C. Hằng và Ấn.
D. Trường Giang và Hoàng Hà.
Câu 17. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng thuận lợi cho Ấn Độ phát triển kinh tế
A. thủ công nghiệp.
B. nông nghiệp.
C. thương nghiệp.

D. dịch vụ.

Câu 18. Con sông gắn liền với nên văn hóa khởi nguồn của Ấn Độ là sông

A. Ấn.

C. Hằng.

C. Gô-đa-va-ri.

D. Na-ma-da.

Câu 19. Khoảng giữa thiên niên kỉ III TCN, tộc người nào đã sinh sống ở lưu vực sông Ấn?

A. Người A-ri-a.

B. Người Do Thái.

C. Người Đra-vi-đa.

D. Người Khơ-me.

Câu 20. Khoảng giữa thiên niên kỉ II TCN, tộc người nào đã tràn vào miền Bắc Ấn Độ?

A. Người A-ri-a.

B. Người Do Thái.

C. Người Đra-vi-đa.

D. Người Khơ-me.

Câu 21. Sau khi vào Ấn Độ, người A-ri-a đã thiết lập chế độ

A. quân chủ chuyên chế.

B. cộng hòa quý tộc.

C. đẳng cấp Vác-na.

D. phân biệt tôn giáo.

Câu 22. Chế độ đẳng cấp Vác-na là gì?

A. Sự phân biệt về chủng tộc và màu da.

B. Sự phân biệt về tôn giáo.

C. Sự phân biệt về trình độ học vấn.

D. Sự phân biệt giàu - nghèo.

Câu 23. Theo chế độ đẳng cấp Vác-na, xã hội Ấn Độ cổ đại có mấy đẳng cấp?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 24. Đẳng cấp đứng đầu trong xã hội Ấn Độ cổ đại là

A. Bra-man.

B. Ksa-tri-a.

C. Vai-si-a.

D. Su-đra.

Câu 25. Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, ai thuộc đẳng cấp Bra-man?

A. Tăng lữ.

B. Quý tộc, chiến binh.

C. Nông dân, thương nhân.

D. Những người thấp kém.

Câu 26. Thời cổ đại, cư dân Trung Quốc tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông lớn là

A. Nin.

B. Ti-grơ và Ơ-phrát.

C. Hằng và Ấn.

D. Trường Giang và Hoàng Hà.

Câu 27. Lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang tạo điều kiện phát triển kinh tế

A. thủ công nghiệp.

B. nông nghiệp.

C. thương nghiệp.

D. dịch vụ.

Câu 28. Những nhà nước cổ đại đầu tiên ở Trung Quốc ra đời ở hạ lưu

A. Hoàng Hà.

B. Trường Giang.

C. sông Hằng.

D. sông Ấn.

Câu 29. Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

A. Tần Thủy Hoàng.

B. Lưu Bang.

C. Tư Mã Viêm.

D. Lý Uyên

Câu 30. Đại diện của phái Nho gia ở Trung Quốc là

A. Khổng Tử.

B. Hàn Phi tử.

C. Mặc Tử.

D. Lão Tử.

Câu 31. Người Trung Quốc cổ đại khắc chữ trên

A. mai rùa.

B. đất sét.

C. giấy Pa-pi-rút.

D. vách đá.

Câu 32. Chế độ phong kiến Trung Quốc được bước đầu được hình thành dưới thời

A. Tần.

B. Hán.

C. Tấn.

D. Tùy.

Câu 33. Hàn Phi Tử là đại diện phái

A. Nho gia.

B. Pháp gia.

C. Mặc gia.

D. Đạo gia.

Câu 34. Đại diện của phái Mặc gia ở Trung Quốc là

A. Khổng Tử.

B. Hàn Phi tử.

C. Mặc Tử.

D. Lão Tử.

Câu 35. Lão Tử là đại diện phái

A. Nho gia.

B. Pháp gia.

C. Mặc gia.

D. Đạo gia.

BGH duyệt	**TTCM duyệt**	**Giáo viên ra nội dung**
Khúc Thị Thanh Hiền	***Nguyễn Thị Thanh Thủy***	***Phạm Phương Trang***